

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN BẮC
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 09 - 8 - 2021

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Phước Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Võ Phương Dung

2. Bà Mai Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc xét xử sơ thẩm, tranh chấp vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST- DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST- DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1981 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mai Tr, sinh năm: 1979 và anh Lê Ngọc T1, sinh năm 1982 (chị Tr, anh T1 vắng mặt).

Cùng cư trú: Thôn G, xã B, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn, bị đơn trình bày:

Vào năm 2015 đến năm 2019, vợ chồng chị Nguyễn Thị Mai Tr và anh Lê Ngọc T1 có nhiều lần vay của chị Phạm Thị T các khoản tiền, lúc 1 triệu, 2 triệu, lúc 3 triệu ...không cố định. Khi vay thỏa thuận trả tiền lãi khoảng mấy chục ngàn đồng một tháng nhưng vì lâu quá nên chị T không nhớ. Còn về tiền gốc thì khi nào có sẽ trả. Nhưng từ năm đầu năm 2019 chị Tr, anh T1 không trả tiền lãi và tiền gốc nữa nên chị T có gặp chị Mai Tr, anh T1 có ngồi lại thống nhất số tiền nợ trên. Do vậy, ngày 21/4/2019 chị T và chị Tr, anh T1 viết giấy vay tiền thống nhất nội dung chị Tr, anh T1 có vay nợ của chị T số tiền 15.000.000đ, trong giấy vay nợ chỉ

ghi thời gian vay là ngày 21/4/2019, không ghi thời gian trả nợ. Tuy nhiên, trong giấy vay nợ không thỏa thuận thời gian trả nợ và cách thức trả nợ nhưng chị Tr, anh T1 thống nhất với chị T mỗi tháng trả dần, mỗi tháng trả từ 500.000đ - 1.000.000đ cho đến khi hết số nợ trên. Tuy nhiên từ ngày đó đến nay chị Tr, anh T1 không trả cho chị T bất cứ khoản tiền gì. Do vậy, chị T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Mai Tr và anh Lê Ngọc T1 phải có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị T số tiền đã vay là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai Tr và anh Lê Ngọc T1 đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ đến Tòa án để ghi lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/4/2021 và ngày 25/5/2021. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 22/6/2021 và niêm yết ngày 24/6/2021 nhưng chị Tr, anh T1 vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại Biên bản không tiến hành tổng đạt trực tiếp được văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Tr, anh T1 ngày 25/5/2021 và các Biên bản xác minh ngày 06/4/2021 do Tòa án thực hiện thì chính quyền địa phương nơi chị Tr, anh T1 cư trú xác nhận chị Tr, anh T1 có đăng ký thường trú tại thôn G, xã B, hiện còn cư trú tại địa phương, có lần cán bộ xã giao các thông báo của Tòa án thì chị Tr, anh T1 có nhận và không chịu ký vào biên bản giao nhận, còn lý do chị Tr, anh T1 không đến Tòa án làm việc thì UBND xã không biết.

Quan điểm của Viện kiểm sát thể hiện: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký luôn tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt nhưng Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn chị Tr, anh T1 phải trả cho nguyên đơn chị Phạm Thị T số tiền đã vay là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị T khởi kiện chị Tr, anh T1, chị Tr, anh T1 cư trú tại thôn G, xã B, huyện Thuận Bắc. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 11/3/2021, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản nợ vay như phân tích về thời điểm vay và thời điểm khởi kiện nêu

trên, căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu của chị Phạm Thị T về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.2] Sau khi thông báo việc thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên hòa giải 02 lần và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Tr, anh T1 vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ đồng bị đơn chị Tr và anh T1 đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là chị Tr, anh T1. Thông báo có ghi rõ yêu cầu của nguyên đơn là chị Phạm Thị T yêu cầu bị đơn là chị Tr, anh T1 phải trả số tiền nợ vay là 15.000.000đ và chứng cứ kèm theo là giấy vay tiền lập ngày 21/4/2019. Tuy nhiên, trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 199 của BLTTDS, chị Tr, anh T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do chị T cung cấp (khoản 2 điều 92 của BLTTDS).

[2.2] Xét thấy tại Biên bản không tổng đạt được văn bản tố tụng của Tòa án ngày 25/5/2021 tại UBND xã B thể hiện chị Tr, anh T1 thừa nhận có vay của chị T số tiền 15.000.000đ. Ngoài ra, cán bộ Tòa án liên lạc với chị Tr qua điện thoại, chị Tr cũng thừa nhận có nợ số tiền trên nhưng cho rằng sẽ từ từ trả cần gì phải ra Tòa án giải quyết. Mặc dù, có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị Tr, anh T1 không đồng ý ký nhận cũng như không đến Tòa án làm việc. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị Tr, anh T1 có vay của chị T số tiền là 15.000.000đ nên yêu cầu khởi kiện của chị T đối với chị Tr, anh T1 có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của HĐXX nên đề nghị của Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phạm Thị T đối với bị đơn là vợ chồng chị Nguyễn Thị Mai Tr anh Lê Ngọc T1.

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Mai Tr anh Lê Ngọc T1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho chị Phạm Thị T số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

- Vợ chồng chị Nguyễn Thị Mai Tr anh Lê Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Chị Phạm Thị T không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021744 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt bị đơn, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- CC THADS huyện Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Phước Trí